TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST
Ngày 12-7-2024
V/v "Tranh chấp Ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Vân

**Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Hoàng Văn Tấn
2. Bà Dương Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Minh Nguyệt- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên.

- Đại diện VKSND thị xã Việt Yên tham gia phiên tòa: Ông Ong Văn Chúc- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2024/TLST-HNGĐ ngày 04/3/2024 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24/6/2024 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** *Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1993 (có đơn xin xét xử vắng mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Đống Mối, xã Hương Mai, huyện Việt Yên (nay là thị xã Việt Yên), tỉnh Bắc Giang.

**** Bị đơn:*** *Anh Đỗ Doanh T, sinh năm 1988 (vắng mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Đống Mối, xã Hương Mai, huyện Việt Yên (nay là thị xã Việt Yên), tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 16/11/2024, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Danh T kết hôn ngày 22/4/2013, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hương Mai, huyện Việt Yên (nay là thị xã Việt Yên). Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ở tại thôn Đống Mối, xã Hương Mai. Ban đầu vợ chồng chung sống bình thường được khoảng 3-4 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không hợp nhau, vợ chồng hay cãi vã nhau, thỉnh thoảng anh T còn đánh chị. Mâu thuẫn vợ chồng gia

đình hai bên đều biết và khuyên giải nhưng vợ chồng không cải thiện. Từ đầu năm 2023 vợ chồng ly thân nhau cho đến nay, không còn ai quan tâm chăm sóc đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, chị Nguyễn Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Đối với anh Đỗ Doanh T là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các giấy tờ nhưng tại các buổi hòa giải, làm việc của Tòa án anh T đều vắng mặt không có lý do và Tòa án đã thông báo cho anh T về việc các chứng cứ Tòa án đã thu thập có trong vụ án, quyết định yêu cầu cung cấp bản tự khai trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị D và cung cấp các tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án nếu có yêu cầu nhưng anh T không có ý kiến gì và không cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho quyền lợi của mình.

Tại phiên tòa hôm nay anh Đỗ Doanh T vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị D chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn anh T không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Đỗ Doanh T.

Về con chung, tài sản chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp ly hôn giữa chị D và anh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh T có nơi cư trú: Thôn Đống Mối, xã Hương Mai, huyện Việt Yên (nay là thị xã Việt Yên), tỉnh Bắc Giang nên Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị D vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị D, anh T.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn và giải quyết con chung của nguyên đơn chị Nguyễn Thị D. Hội đồng xét xử thấy:

* Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị D và anh T xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hương Mai, huyện Việt Yên (nay là thị xã Việt Yên) làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, chị D và anh T có một thời gian chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không hợp nhau, không còn tình cảm. Tại biên bản lấy lời khai của chị D, chị xác định mâu thuẫn của hai vợ chồng thì gia đình hai bên đều biết và can thiệp hòa giải nhưng vợ chồng không cải thiện. Hai vợ chồng chị ly thân nhau từ đầu năm 2023 cho đến nay không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Tòa án tiến hành giao các văn bản tố tụng cho anh T, thông báo hòa giải anh T cũng không đến để Tòa án hòa giải về tình cảm vợ chồng.

Tại biên bản làm việc với gia đình anh T cũng xác định vợ chồng chị D, anh T có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống hàng ngày, chị D và anh T không còn ở với nhau, ly thân nhau từ đầu năm 2023 cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau, gia đình đã động viên vợ chồng đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành. Xét mâu thuẫn giữa chị D, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về con chung; Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị D xác định vợ chồng không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình;

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Đỗ Doanh T.

2. Về con chung; Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0003365 ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên. Xác nhận chị Nguyễn Thị D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thị xã Việt Yên;
- Chi cục THADS thị xã Việt Yên;
- UBND xã Hương Mai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thị xã Việt Yên;
- Chi cục THADS thị xã Việt Yên;
- UBND xã Hương Mai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thị xã Việt Yên;
- Chi cục THADS thị xã Việt Yên;
- UBND phường Bích Động;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân